BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2003**

ĐỀ THI CHÍNH THỨC **ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM**

Môn thi: Văn Khối: C

NỘI DUNG	ĐIỂM
CÂU 1	**2,0**
1. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: *Tiếng hát con tàu* (in trong tập *Ánh sáng và phù sa*, xuất bản năm 1960) được gợi cảm hứng từ một chủ trương lớn của Nhà nước vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi vào những năm 1958 - 1960 ở miền Bắc. Nhưng xét sâu hơn, bài thơ ra đời chủ yếu vì nhu cầu giãi bày tình cảm ân nghĩa của tác giả đối với nhân dân, đối với cuộc đời và cách mạng.	1,0
2. Ý nghĩa nhan đề *Tiếng hát con tàu*: 2.1. Bài thơ ra đời khi chưa có đường tàu lên Tây Bắc. Hình ảnh *con tàu* thực chất là hình ảnh biểu tượng, thể hiện khát vọng lên đường và niềm mong ước của nhà thơ được đến với mọi miền đất nước. 2.2. *Tiếng hát con tàu*, như vậy, là tiếng hát của tâm hồn nhà thơ - một tâm hồn tràn ngập niềm tin vào lý tưởng, vào cuộc đời. Tâm hồn nhà thơ đã hoá thân thành con tàu, hăm hở làm cuộc hành trình đến với Tây Bắc, đến với cuộc sống lớn của nhân dân. Đến với đất nước, nhân dân cũng là đến với cội nguồn của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, trong đó có thơ ca.	0,5 0,5
CÂU 2	**5,0**
1. Giới thiệu chung về tác phẩm: Tùy bút *Người lái đò Sông Đà* là một trong những tác phẩm đặc sắc của Nguyễn Tuân, được in trong tập *Sông Đà* (1960). Ở thiên tùy bút này, nhà văn đã xây dựng được hai hình tượng đáng nhớ là con sông Đà và người lái đò. Đây là hai hình tượng mang đậm dấu ấn phong cách Nguyễn Tuân, đã để lại cho độc giả những ấn tượng mạnh mẽ.	0,5

2. Phân tích hình tượng ông lái đò: 2.1. *Ông lái đò có ngoại hình và những tố chất khá đặc biệt*: tay "lêu nghêu", chân "khuỳnh khuỳnh", "giọng ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh", "nhỡn giới vòi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó"... Đặc điểm ngoại hình và những tố chất này được tạo nên bởi nét đặc thù của môi trường lao động trên sông nước. 2.2. *Ông lái đò là người tài trí, luôn có phong thái ung dung pha chút nghệ sĩ*: ông hiểu biết tường tận về "tính nết" của dòng sông, "nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở", "nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá", "thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở", biết rõ từng cửa tử, cửa sinh trên "thạch trận" sông Đà. Đặc biệt, ông chỉ huy các cuộc vượt thác một cách tài tình, khôn ngoan và biết nhìn những thử thách đã qua bằng cái nhìn giản dị mà không thiếu vẻ lãng mạn... 2.3. *Ông lái đò rất mực dũng cảm trong những chuyến vượt thác đầy nguy hiểm*: tả xung hữu đột trước "trùng vi thạch trận" của sông Đà, kiên cường nén chịu cái đau thể xác do cuộc vật lộn với sóng thác gây nên, chiến thắng thác dữ bằng những động tác táo bạo mà vô cùng chuẩn xác, mạch lạc (*tránh, đè sấn, lái miết một đường chéo, phóng thẳng*...). 2.4. Ông lái đò là một hình tượng đẹp về người lao động mới. Qua hình tượng này, Nguyễn Tuân muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có cả trong cuộc sống lao động thường ngày. Ông lái đò chính là một người anh hùng như thế.	0,5 1,0 0,5 0,5
3. Những nét độc đáo trong cách miêu tả nhân vật ông lái đò của Nguyễn Tuân: 3.1. *Nguyễn Tuân chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ ở ông lái đò*. Đây là cách viết phù hợp với quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn, phù hợp với cái nhìn rộng mở của ông về phẩm chất tài hoa, nghệ sĩ. Theo ông, nét tài hoa, nghệ sĩ của con người không chỉ thể hiện trong hoạt động sáng tạo nghệ	

thuật mà còn trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nữa. Khi con người đạt tới trình độ điêu luyện trong công việc của mình là khi họ bộc lộ nét tài hoa nghệ sĩ rất đáng được đề cao. 3.2. *Nguyễn Tuân có ý thức tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình*. Điều đáng chú ý trước hết là nhà văn đã miêu tả cuộc vượt thác như một trận "thuỷ chiến". Càng nhấn mạnh thách thức ghê gớm của "thạch trận" sông Đà, tác giả càng khắc họa được sinh động sự từng trải, mưu mẹo và gan dạ của ông lái đò. Dĩ nhiên, để có thể miêu tả được trận "thủy chiến", nhà văn phải huy động tới vốn hiểu biết khá uyên bác của mình về nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực quân sự và võ thuật... 3.3. *Nguyễn Tuân đã sử dụng một ngôn ngữ miêu tả đầy cá tính, giàu chất tạo hình, hoàn toàn phù hợp với đối tượng*. Tác phẩm có rất nhiều từ dùng mới mẻ cùng lối nhân hoá độc đáo và những ví von bất ngờ mà vô cùng chính xác (*nắm chặt lấy được cái bờm sóng, ông đò ghì cương lái, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước*...) v.v.	1,0 0,5 0,5
CÂU 3	**3,0**
1. Giới thiệu chung về bài thơ và vị trí của đoạn trích: *Tràng giang* được in trong tập *Lửa thiêng* (1940), là bài thơ thuộc loại nổi tiếng nhất của Huy Cận đồng thời cũng là kiệt tác của thơ Việt Nam hiện đại. Trong bài thơ, tác giả đã thể hiện tâm trạng cô đơn của mình trước cuộc đời, trước vũ trụ bằng một bút pháp nghệ thuật vừa cổ kính vừa hiện đại. Khổ bình giảng là khổ thứ hai của bài thơ. So với các khổ khác, ở đây, nỗi buồn có những sắc điệu riêng và đối tượng miêu tả cụ thể cũng có những nét khác biệt.	0,5
2. Bình giảng hai câu đầu của khổ thơ: 2.1. Hai câu thơ chứa đựng những nét chấm phá về các bãi cồn trên dòng sông. Không gian hầu như vắng lặng, cảnh vật nhuốm vẻ đìu hiu, tàn tạ, thể hiện sâu sắc cõi lòng nhân vật trữ tình: buồn sầu, cô đơn, khát khao được nghe những tiếng vọng thân thiết của cuộc đời.	0,5

2.2. Các từ láy *lơ thơ* và *đìu hiu* được dùng rất đắt, vừa có giá trị tạo hình vừa giàu khả năng biểu đạt tâm trạng. Riêng từ *đìu hiu* gợi nhớ đến một câu thơ trong *Chinh phụ ngâm* (*Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò*). Trong câu thứ hai, sự xuất hiện của *tiếng làng xa vãn chợ chiều* chỉ làm cảnh buồn hơn, bởi đây là "âm thanh" vọng lên từ tâm tưởng, từ niềm khao khát của nhà thơ (chú ý: việc cắt nghĩa câu thứ hai phụ thuộc phần lớn vào cách hiểu từ *đâu*; hiểu *đâu* là *không có* hay *đâu đây* đều có những căn cứ nhất định, vì vậy, nên để chừa một "khoảng trống" cho sự phát biểu cảm nhận riêng của thí sinh).	0,75
3. Bình giảng hai câu cuối của khổ thơ: 3.1. Hai câu thơ mở rộng không gian miêu tả ra nhiều chiều với hình ảnh của nắng xuống, trời lên, sông dài, bến vắng. Theo hướng mở rộng đó của không gian, nỗi sầu của nhân vật trữ tình như cũng được tỏa lan ra đến vô cùng, không có cách gì xoa dịu được. 3.2. Hình thức đối của cổ thi được sử dụng khá linh hoạt trong hai câu thơ, tạo nên sự hài hòa về hình ảnh và nhịp điệu. Cùng với việc vẽ ra những chuyển động ngược hướng (*nắng xuống, trời lên)* ở câu ba, tác giả đã dùng dấu phẩy ngắt câu thơ thứ tư thành ba phần, biểu thị ba hình ảnh độc lập (*sông dài, trời rộng, bến cô liêu*). Nhờ lối diễn tả này, tính chất phân ly của cuộc đời được tô đậm thêm. Cách kết hợp từ trong câu ba cũng hết sức đáng chú ý. Khi viết *sâu chót vót*, tác giả không chỉ muốn diễn tả độ cao của bầu trời mà còn muốn biểu hiện cảm giác chới với, rợn ngợp của con người khi đối diện với cái hun hút, thăm thẳm của vũ trụ (rất có thể từ *sâu* chợt đến trong liên tưởng thơ của thi sĩ khi ông nhìn thấy ánh phản chiếu vời vợi của bầu trời xuống mặt nước).	0,5 0,75
Điểm toàn bài	**10**
LƯU Ý CHUNG KHI CHẤM *1. Chỉ cho điểm tối đa trong trường hợp: thí sinh không những nói đủ ý cần thiết mà còn biết cách tổ chức bài văn, diễn đạt lưu loát, đúng văn phạm và viết không sai chính tả.*	

2. Có thể chấp nhận cách sắp xếp ý không hoàn toàn giống như đáp án, miễn là phải đảm bảo được một lôgic nhất định. Khuyến khích những kiến giải riêng, thực sự có ý nghĩa về vấn đề.	